

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03 /2018/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 18 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về phân cấp thực hiện thu phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 718/TTr-STNMT-TTQTTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định về phân cấp thực hiện việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp được áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện thuộc đối tượng chịu phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (viết tắt là Nghị định số 154/2016/NĐ-CP) có tổng lượng nước thải trung bình xả ra môi trường trong năm tính phí dưới 20 m³/ngày đêm.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức thẩm định và thông báo thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Thuận thuộc đối tượng chịu phí quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP có tổng lượng nước thải trung bình xả ra môi trường trong năm tính phí từ 20 m³/ngày đêm trở lên.

b) Hướng dẫn Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thực hiện nhiệm vụ thu phí; thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

c) Phối hợp Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Cục thuế tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

d) Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, các cơ quan liên quan tiến hành phân loại, xác định đối tượng nộp phí cố định và phí biến đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP để làm cơ sở tổ chức thu phí.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định tại Điều 2 của Quyết định này; thực hiện thu phí cố định một lần cho cả năm (số phí cố định là 1.500.000 đồng/năm) đối với từng đối tượng chịu phí.

b) Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ quy định Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP theo phân cấp và các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định.

c) Định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tiến hành rà soát, điều chỉnh đối tượng nộp phí cố định và phí biến đổi theo quy định thuộc thẩm quyền quản lý; xác nhận hồ sơ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp; báo cáo việc quản lý, sử dụng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của đối tượng nộp phí về Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, báo cáo cơ quan cấp trên.

d) Phối hợp Phòng Kế hoạch Tài chính, Kho bạc Nhà nước và Chi cục thuế cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các phòng chuyên môn cấp huyện và các cơ quan liên quan cấp huyện tổ chức thực hiện Quyết định này và các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

4. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, quyết toán việc thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

được phân cấp và thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện mở tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp”; định kỳ theo quy định đối chiếu số phí thu được và thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) xem xét, điều chỉnh bổ sung kịp thời.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm tra công tác phía Nam-Tp.HCM;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, NC, KT. Thuần.

Nguyễn Ngọc Hai